TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2025/DSST
Ngày 29/9/2025
V/v: Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Thân Thị Hải Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Cường

Ông Nguyễn Tiến Chỉnh

- *Thư ký Tòa án:* Bà Vũ Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/9/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2025/TLST-DS ngày 12/5/2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2025/QĐXXST-DS ngày 27/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2025/QĐST-DS ngày 12/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968.

Địa chỉ: thôn N, xã N, tỉnh Bắc Ninh. Xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: thôn X, xã L, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1995.

Địa chỉ: thôn N, xã N, tỉnh Bắc Ninh. Xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2025, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Anh H trước kia là con rể bà. Anh Hòa kết H2 với con gái bà là chị Nguyễn Thị H1 năm 2018, đến năm 2024 thì hai vợ chồng anh H chị H1 ly hôn. Trong thời kỳ hôn nhân với chị H1, tháng 7 năm 2022 anh H có vay của bà số tiền 40.000.000 đồng để lấy tiền đi nước ngoài. Khi vay bà và anh H có viết giấy về việc giao nhận

tiền, anh H đã nhận đủ tiền và ký ghi rõ họ tên vào giấy biên nhận. Vì lúc đó anh H là con rể bà nên khi cho vay bà không tính lãi và không hẹn ngày nào trả. Sau khi anh H ly hôn với chị H1 bà đã đòi tiền nhiều lần nhưng anh H không trả.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2025 bà N yêu cầu anh H trả lại số tiền vay gốc 40.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi và nghĩa vụ gì khác. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2025 bà N thay đổi yêu cầu, bà không đòi anh H 40.000.000 đồng nữa mà chỉ đòi anh H phải trả bà 20.000.000 đồng. Lý do bà N thay đổi yêu cầu vì thời điểm anh H vay tiền bà anh H và chị H1 vẫn là vợ chồng, anh H vay tiền bà để đi nước ngoài gây dựng kinh tế chung cho gia đình nên bà thấy nghĩa vụ trả số tiền 40.000.000 đồng này là nghĩa vụ chung của anh H và chị H1, mỗi vợ chồng anh H, chị H1 có nghĩa vụ phải trả bà một nửa số tiền vay là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên số tiền 20.000.000 đồng nghĩa vụ chị H1 phải trả bà, bà cho chị H1, không đề nghị chị H1 trả nên nay bà chỉ yêu cầu anh H trả bà tổng số 20.000.000 đồng tiền vay gốc. Ngoài ra bà không yêu cầu anh H trả thêm khoản tiền nào khác. Trong quá trình chuẩn bị xét xử bà N có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn H: Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định, anh H không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà N và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

- *Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1 có quan điểm:* tại bản tự khai đề 09/7/2025 chị H1 trình bày, bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ chị, trong thời kỳ hôn nhân với chị anh Nguyễn Văn H có vay mẹ chị số tiền 40.000.000 đồng để đi xuất khẩu lao động như mẹ chị trình bày là đúng. Chị H1 xác định nghĩa vụ trả bà N số tiền 40.000.000 đồng là nghĩa vụ chung của chị và anh H, mỗi người phải trả bà N một nửa. Nay bà N yêu cầu một mình anh H trả bà N số tiền 20.000.000 đồng chị đồng ý. Do công việc bận nên chị H1 xin được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng qui định, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Tuy nhiên Viện kiểm sát không có kiến nghị.

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc anh Nguyễn Văn H phải trả tổng số tiền là 20.000.000 đồng.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị N 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: bà Nguyễn Thị N đề nghị anh Nguyễn Văn H phải trả số tiền vay. Do đó xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Văn H là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang cũ nay là xã L, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang cũ nay là Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định: trong thời gian còn là vợ chồng với chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Văn H có vay của bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ chị H1 số tiền 40.000.000 đồng để đi xuất khẩu lao động, việc giao nhận tiền giữa hai bên được lập biên bản rõ ràng, anh H đã nhận đủ tiền, hai bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2025 bà N yêu cầu anh H trả toàn bộ số tiền vay gốc, không yêu cầu tiền lãi. Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 09/7/2025 bà N thay đổi yêu cầu, bà N cho rằng thời điểm anh H vay tiền bà giữa anh H và chị H1 vẫn còn là vợ chồng nên cả anh H và chị H1 cùng có nghĩa

vụ trả bà số tiền này và mỗi người có nghĩa vụ trả một nửa. Nay chị H1 là con gái bà đã ly hôn anh H, bà chỉ yêu cầu anh H trả bà một nửa số tiền vay là 20.000.000 đồng, còn số tiền 20.0000.000 đồng nghĩa vụ của chị H1 bà không yêu cầu chị H1 phải trả bà. Xét thấy việc bà N thay đổi yêu cầu và rút một phần tiền gốc là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện, không làm xấu hơn nghĩa vụ trả nợ của bị đơn, chị H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý với việc thay đổi yêu cầu của bà H1 và không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

Về phía bị đơn, quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử vụ án và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện anh Nguyễn Văn H có đăng ký thường trú tại thôn X, xã L, tỉnh Bắc Ninh. Anh H làm việc tại Công ty có trụ sở đặt trong tỉnh Bắc Ninh và thường xuyên về nơi đăng ký thường trú sinh sống. Nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải nhưng anh H vắng mặt mà không có lý do nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy việc bà N yêu cầu anh H trả lại bà số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS.

- Do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 116, 117, 118, 119, 357, 463, 466, 468 và 467 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 150, 227, khoản 1 Điều 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc anh Nguyễn Văn H phải trả bà Nguyễn Thị N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (tiền án phí không tính lãi).

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn H phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004641 ngày 06/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 4- Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Thị Hải Minh